

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH THEO BỘ TIÊU CHUẨN AUN



ASEAN University Network

Bộ 15 tiêu chuẩn của AUN – sửa đổi tháng 6/2011

MỤC LỤC

BỘ 15 TIÊU CHUẨN CỦA AUN	2
Tiêu chuẩn 1. Kết quả học tập mong đợi.....	2
Tiêu chuẩn 2. Chương trình chi tiết.....	3
Tiêu chuẩn 3. Nội dung và cấu trúc chương trình.....	8
Tiêu chuẩn 4. Chiến lược giảng dạy và học tập	9
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá sinh viên.....	12
Tiêu chuẩn 6. Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy	15
Tiêu chuẩn 7. Chất lượng cán bộ hỗ trợ.....	18
Tiêu chuẩn 8. Chất lượng sinh viên.....	19
Tiêu chuẩn 9. Hỗ trợ và tư vấn sinh viên.....	20
Tiêu chuẩn 10. Trang thiết bị và cơ sở hạ tầng.....	22
Tiêu chuẩn 11. Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy và học tập	23
Tiêu chuẩn 12. Hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ	26
Tiêu chuẩn 13. Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan	26
Tiêu chuẩn 14. Đầu ra.....	27
Tiêu chuẩn 15. Sự hài lòng của các bên liên quan	30
Checklist.....	31

BỘ 15 TIÊU CHUẨN CỦA AUN

Tiêu chuẩn 1. Kết quả học tập mong đợi

Các tiêu chí (03)

1. Chương trình đào tạo được xây dựng nhằm thúc đẩy hoạt động học tập, việc học phương pháp học tập và tạo cho sinh viên thói quen học tập suốt đời (ví dụ: tìm hiểu mang tính phê phán, phát triển các kỹ năng học tập và xử lý thông tin, sẵn sàng thử nghiệm và vận dụng các ý tưởng mới.)

2. Chương trình đào tạo rèn luyện cho sinh viên tốt nghiệp khả năng thực hiện các hoạt động nghiên cứu chuyên sâu, phát triển nhân cách của họ, giúp họ có quan điểm học thuật và có năng lực trong lĩnh vực chuyên môn. Sinh viên tốt nghiệp cần có các kỹ năng có thể chuyển đổi, kỹ năng lãnh đạo, biết hướng tới thị trường việc làm cũng như phát triển nghề nghiệp.(1.9)

3. Chương trình đào tạo cần nêu rõ kết quả học tập mong đợi, phản ánh được yêu cầu và nhu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan. (1.2)

Giải thích

Sinh viên đến trường đại học để học được một điều gì đấy. Vì vậy, chúng ta cần xác định rõ chúng ta muốn sinh viên sẽ đạt được những khối kiến thức, kỹ năng, thái độ hoặc năng lực nào trong quá trình học tập cũng như sau khi tốt nghiệp.

Kết quả học tập mong đợi là điểm xuất phát cho quá trình tự đánh giá. Ngoài ra, chúng ta cần phân biệt những kỹ năng chung và kỹ năng cụ thể. “Học tập suốt đời” bao gồm việc theo đuổi kiến thức và học tập liên tục suốt đời. Quá trình học tập này phải diễn ra trên cơ sở không ngừng nghỉ từ những hoạt động tương tác trong đời sống hằng ngày với người khác, cho đến việc đạt được trình độ chuyên môn.

Câu hỏi:

- Tại sao chúng ta thực hiện chức năng giáo dục đào tạo?
- Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở triết lý giáo dục nào?
- Các kết quả học tập mong đợi cần đạt được là gì?
- Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo được xây dựng thế nào?
- Kết quả học tập mong đợi có phản ánh mục tiêu của nhà trường không?
- Thị trường lao động có đưa ra những yêu cầu cụ thể đối với sinh viên tốt nghiệp hay không?
- Chương trình đào tạo đã được điều chỉnh ra sao để phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động?

- Chương trình có bản mô tả nghề nghiệp (job profile) không? (để giúp sinh viên tốt nghiệp hiểu rõ những ngành nghề của họ)
- Mục tiêu và mục đích của chương trình được phổ biến đến các giảng viên và sinh viên như thế nào?
- Kết quả học tập mong đợi có thể đạt được tới mức nào?
- Những kết quả học tập mong đợi có được xem xét lại?
- Kết quả học tập mong đợi của chương trình được chuyển thành những yêu cầu cụ thể đối với sinh viên tốt nghiệp như thế nào? (vd: về kiến thức, kỹ năng và thái độ, và đạo đức nghề nghiệp).

Nguồn minh chứng:

- | | |
|--|--|
| • Chương trình chi tiết | • Trang web trường, khoa. |
| • Tờ bướm, tờ quảng cáo, giới thiệu học phần. | • Phương tiện và các kế hoạch để giao tiếp, liên hệ với các bên liên quan. |
| • Bảng biểu đồ ma trận các kỹ năng (skills matrix) | • Biên bản, văn bản họp đánh giá chương trình giảng dạy. |
| • Ý kiến đóng góp của các bên liên quan. | • Báo cáo kiểm định, đối sánh. |

Tiêu chuẩn 2. Chương trình chi tiết

Các tiêu chí (03)

1. Đối với mỗi chương trình đào tạo, nhà trường cần cung cấp một chương trình chi tiết trong đó có thể xác định được các điểm dừng⁽¹⁾ có khả năng, và chỉ rõ kết quả học tập mong đợi của chương trình về các phương diện:

- Những kiến thức và sự hiểu biết mà sinh viên sẽ đạt được sau khi kết thúc chương trình*
- Các kỹ năng then chốt: giao tiếp, tính toán, sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng học tập*
- Các kỹ năng nhận thức, ví dụ sự hiểu biết về phương pháp luận hoặc khả năng phân tích có phê phán*
- Các kỹ năng cụ thể, chẳng hạn kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm, kỹ năng lâm sàng, v.v. (1.10)*

¹ *điểm dừng (potential stopping off point): thời điểm sinh viên hoàn tất hoặc tích lũy được khối kiến thức trong chương trình đào tạo, đảm bảo cho sinh viên (cả khi nếu có tạm ngưng việc học) có đủ khả năng học tiếp tục chương trình đào tạo.*

2. Chương trình chi tiết cung cấp lời mô tả chính xác những kết quả học tập dự kiến của chương trình đào tạo bậc đại học, cùng những phương tiện nhằm giúp đạt được và chứng minh được những kết quả này. (1.11)

3. Chương trình chi tiết cần nêu rõ những kết quả học tập dự kiến trên các lĩnh vực kiến thức, sự hiểu biết, kỹ năng.... Tài liệu này cần giúp cho sinh viên hiểu được phương pháp giảng dạy và học tập cần thiết để đạt được kết quả dự kiến; phương pháp kiểm tra đánh giá giúp chỉ ra kết quả học tập; mối quan hệ giữa chương trình học và các yếu tố học tập đối với quy định về bằng cấp của mỗi nước thành viên; cũng như mối quan hệ giữa chương trình học đối với khả năng chuyên môn hoặc con đường sự nghiệp sau này của sinh viên. (1.1)

Giải thích

Các kết quả học tập và mục tiêu dự kiến của chương trình đào tạo cần được thể hiện vào chương trình. Điều quan trọng là các mục tiêu và mục đích này phải được phổ biến đến tất cả mọi người. Vì vậy, nhà trường cần cung cấp chương trình chi tiết. Chương trình chi tiết cần có những chức năng sau:

- Là một nguồn thông tin giúp các sinh viên đang học cũng như các sinh viên tiềm năng hiểu về chương trình.
- Là một nguồn thông tin dành cho các nhà tuyển dụng, đặc biệt là các thông tin về kỹ năng và các năng lực trí tuệ có thể chuyển đổi được phát triển trong chương trình.
- Là cơ sở để được công nhận bởi các tổ chức nghề nghiệp và các cơ quan pháp luật có chức năng kiểm định các chương trình đào tạo bậc đại học. Chương trình chi tiết cần chỉ rõ những lĩnh vực mà các cơ quan này yêu cầu.
- Là cơ sở để các nhóm giảng viên và các nhà quản lý xem xét, trao đổi và thẩm định chất lượng đối với những chương trình đang thực hiện cũng như các chương trình mới, và đảm bảo rằng mục tiêu của chương trình cũng như những kết quả học tập dự kiến đều được mọi người hiểu rõ. Chương trình chi tiết cần phải được xây dựng sao cho nhà trường có thể hài lòng vì biết rằng người thiết kế chương trình biết rõ các kết quả học tập dự kiến là gì, và các kết quả này có thể đạt được và chứng minh được. Chương trình chi tiết cũng có thể được sử dụng như một điểm quy chiếu để thẩm định bên trong cũng như để giám sát những hoạt động của ngành đào tạo.
- Là một nguồn thông tin cho các thẩm định viên về mặt học thuật và các đánh giá viên bên ngoài nắm được thông tin về mục tiêu và kết quả dự kiến của chương trình.
- Là cơ sở để thu thập sự phản hồi từ sinh viên hoặc cựu sinh viên vừa tốt nghiệp về những cảm nhận của họ về cơ hội học tập có kết quả tại nhà trường xét theo những kết quả học tập dự kiến.

Chương trình chi tiết thường bao gồm những thông tin sau:

- Tên đơn vị cấp bằng/tên trường
- Tên cơ sở đào tạo (nếu khác với mục trên)

- Thông tin chi tiết về việc kiểm định chương trình do các tổ chức nghề nghiệp hoặc cơ quan pháp luật tiến hành
- Tên văn bằng sẽ cấp khi kết thúc chương trình
- Tên chương trình
- Kết quả học tập đầu ra của chương trình.
- Các tiêu chí hoặc yêu cầu để nhập học của chương trình.
- Các mức chuẩn (benchmark) so sánh với các đơn vị khác cũng như các điểm tham khảo trong và ngoài khác để thông tin về kết quả của chương trình.
- Các kết quả của chương trình như kiến thức, sự hiểu biết, các kỹ năng và thái độ cần đạt được
- Các chiến lược giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá để đạt được và chứng minh kết quả đạt được
- Cấu trúc chương trình và các yêu cầu bao gồm trình độ, đơn vị kiến thức (mô-đun), tín chỉ
- Ngày viết hoặc điều chỉnh chương trình chi tiết

Ngoài những thông tin trên, các cơ sở đào tạo có thể nêu thêm:

- Các quy định về kiểm tra đánh giá
- Các chỉ báo chất lượng
- Những hỗ trợ cụ thể cho việc học tập
- Các phương pháp được sử dụng để đánh giá, cải tiến chất lượng và các tiêu chuẩn học tập

Câu hỏi

- Các kết quả học tập được thể hiện trong chương trình đào tạo và trong các học phần như thế nào?
- Nhà trường có chương trình chi tiết nào được xây dựng dựa theo các tiêu chuẩn chất lượng AUN không?
- Chương trình chi tiết có được ban hành và phổ biến đến các bên liên quan không?
- Quá trình đánh giá chương trình chi tiết như thế nào?

Nguồn minh chứng:

- Chương trình chi tiết
- Tờ bướm, tờ quảng cáo, giới thiệu học phần.
- Bảng biểu đồ ma trận các kỹ năng (skills matrix)

- Ý kiến đóng góp của các bên liên quan.
- Trang web trường, khoa.
- Phương tiện và các kế hoạch để giao tiếp, liên hệ với các bên liên quan.
- Biên bản, văn bản họp đánh giá chương trình giảng dạy.
- Báo cáo kiểm định, đối sánh.

Tiêu chuẩn 3. Nội dung và cấu trúc chương trình.

Các tiêu chí (06)

- 1. Chương trình đào tạo có sự cân bằng giữa nội dung chuyên môn, kiến thức tổng quát, và các kỹ năng cần thiết. Chương trình phải được thiết kế nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.(1.3)*
- 2. Chương trình đào tạo có tính đến và phản ánh được tầm nhìn, sứ mạng, mục đích và mục tiêu của nhà trường. Tầm nhìn, sứ mạng, mục đích và mục tiêu của nhà trường được giảng viên và sinh viên biết rõ. (1.1)*
- 3. Chương trình đào tạo thể hiện được năng lực của sinh viên tốt nghiệp. Mỗi học phần phải được thiết kế rõ ràng để chỉ ra được kết quả mong đợi. Để thực hiện điều này, cần xây dựng một sơ đồ chương trình đào tạo.(1.5)*
- 4. Cấu trúc chương trình đào tạo được thiết kế sao cho nội dung các học phần có sự kết hợp và củng cố lẫn nhau. (1.4)*
- 5. Cấu trúc chương trình đào tạo phải được xây dựng nhằm thể hiện được về chiều rộng, chiều sâu, tính chặt chẽ và tính có tổ chức của các học phần. (1.6)*
- 6. Cấu trúc chương trình thể hiện rõ các học phần cơ bản, các học phần cơ sở ngành, học phần chuyên ngành và tiểu luận hoặc luận văn tốt nghiệp. (1.7)*

Giải thích

Chúng ta buộc phải đặt câu hỏi rằng: các mục tiêu phải được thể hiện trong chương trình như thế nào. Chương trình có chặt chẽ và cập nhật không? Các học phần góp phần như thế nào cho việc hoàn thành sứ mạng chung của nhà trường?

Câu hỏi

- Nội dung chương trình đào tạo có phản ánh sứ mạng và tầm nhìn của trường hay không?
- Nội dung chương trình đào tạo bậc đại học có phản ánh kết quả học tập mong đợi không? Nội dung này có giúp người học đạt được kết quả dự kiến không?
- Các học phần trong chương trình đào tạo có mối liên hệ rõ ràng với nhau hay không? Chương trình đào tạo có được xây dựng chặt chẽ không?
- Các học phần đại cương và chuyên ngành có được cân đối phù hợp không?

- Nội dung chương trình đào tạo có được cập nhật?
- Cấu trúc chương trình được lựa chọn trên cơ sở nào?
- Cấu trúc chương trình đào tạo có thay đổi trong thời gian gần đây hay không? Nếu có, xin cho biết tại sao?
- Độ khó của các học phần có tăng lên qua thời gian hay không?
- Việc thiết kế các học phần có phải tuân theo yêu cầu gì để đạt được sự chặt chẽ trong cấu trúc chương trình hay không? Ai đặt ra những yêu cầu này?
- Chương trình học của năm đầu có được thiết kế nhằm giúp sinh viên hiểu được phần còn lại của chương trình đào tạo là gì không?
- Sự kết nối giữa chương trình đại cương và chuyên ngành có chính xác không?
- Cấu trúc chương trình giữa các chuyên ngành khác nhau có hợp lý không?
- Mối liên hệ giữa phần cứng (bắt buộc) và phần mềm (tự chọn) của chương trình đào tạo có hợp lý không?
- Chương trình đào tạo có gây ra tình trạng “nghẽn cổ chai” (bottlenecks) không?
- Chương trình đào tạo sử dụng cách tổ chức như thế nào (một năm ba học kỳ-trimester, một năm hai học kỳ-semester, học theo môđun-modular, hay học theo vấn đề - problem oriented)? Cách tổ chức này được những bên có liên quan đánh giá ra sao?

Nguồn minh chứng:

- | | |
|--|--|
| • Chương trình chi tiết | • Trang web trường, khoa. |
| • Tờ bướm, tờ quảng cáo, giới thiệu học phần. | • Phương tiện và các kế hoạch để giao tiếp, liên hệ với các bên liên quan. |
| • Bảng biểu đồ ma trận các kỹ năng (skills matrix) | • Biên bản, văn bản họp xem xét chương trình giảng dạy. |
| • Ý kiến đóng góp của các bên liên quan. | • Báo cáo kiểm định, đối sánh. |

Tiêu chuẩn 4. Chiến lược giảng dạy và học tập

Các tiêu chí (06)

1. Giảng viên được khuyến khích sử dụng phương pháp giúp sinh viên học tập bằng hành động. Học tập bằng hành động là một quá trình học hỏi và suy nghĩ, cân nhắc liên tục, có sự hỗ trợ của bạn cùng học, nhằm mục đích tạo ra việc học tập có chất lượng ở sinh viên. Thông qua phương pháp này, các giảng viên có thể chia sẻ với nhau thông qua việc giải quyết các vấn đề thực tế và thông qua kinh nghiệm của bản thân. Việc xây dựng chương trình học tập bằng hành động là nhằm vào mục đích cải tiến việc học tập cũng như môi trường học tập của sinh viên. (2.14)

2. Học tập có chất lượng được định nghĩa ở đây là sự chủ động tìm tòi kiến thức do chính sinh viên thực hiện, chứ không đơn thuần là sự tiếp thu những kiến thức do giảng viên cung cấp. Đây là một quan điểm học tập có chiều sâu, qua đó sinh viên tự tạo ra ý nghĩa và sự hiểu biết về thế giới. Theo quan điểm này thì việc giảng dạy chỉ đóng vai trò hỗ trợ và tạo điều kiện cho việc học tập. (4.1)

3. Mục đích của giáo dục bậc đại học là hướng vào sinh viên. Chất lượng học tập vì thế phụ thuộc phần lớn vào phương pháp học tập của sinh viên. Cho nên, điều này lại phụ thuộc vào quan niệm của người học rằng họ biết gì về việc học của mình cũng như những chiến lược học tập nào mà họ sẽ sử dụng. (4.2)

4. Chất lượng học tập phụ thuộc vào việc áp dụng các nguyên tắc phù hợp cho việc học ở tuổi trưởng thành. Người học trưởng thành học tập tốt nhất trong môi trường thoải mái, có sự hợp tác, hỗ trợ và thân thiện. Đó là môi trường phù hợp giúp cho người học ở tuổi trưởng thành học tập một cách sâu sắc. (4.3)

5. Để thúc đẩy tinh thần trách nhiệm trong học tập, các giảng viên cần:

a. Tạo ra một môi trường giảng dạy-học tập sao cho mỗi người học đều tham gia vào quá trình học tập một cách có ý thức.

b. Cung cấp những chương trình đào tạo linh hoạt nhằm giúp người học chọn lựa nội dung học phần, thứ tự các học phần trong chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, phương thức và thời gian học tập sao cho có ý nghĩa nhất đối với từng người. (4.9)

6. Để kích thích sự say mê và các giá trị đối với việc học tập, đồng thời tạo cơ hội phát triển trí tuệ cho người học, các giảng viên cần tạo ra những cơ hội học tập và giao lưu trong đó người học có thể tham gia hết mình cả về trí tuệ lẫn tình cảm. (4.10)

Giải thích

Bộ Tiêu chuẩn chất lượng AUN mô tả một cách chi tiết làm thế nào để xem xét một quá trình học tập, xem xét các yêu cầu của chiến lược của việc dạy và học. Mục đích của giáo dục đại học là nhằm phát triển khả năng tri thức ngày càng cao trong sinh viên, vì thế cần lưu ý các đặc điểm sau để đảm bảo chất lượng học tập:

- Khả năng tự khám phá tri thức. Người học cần có kỹ năng nghiên cứu, phân tích và tổng hợp các tư liệu do chính mình thu thập, đồng thời hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể.
- Khả năng ghi nhớ kiến thức. Sử dụng phương pháp học tập nhấn mạnh hiểu biết hơn là trí nhớ sẽ giúp người học nhớ kiến thức lâu hơn.
- Khả năng nhận biết mối liên hệ giữa kiến thức cũ và mới. Chất lượng học tập luôn luôn đòi hỏi người học phải tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau.
- Khả năng sáng tạo sự hiểu biết mới. Một người học đạt chất lượng phải biết nhận ra mối quan hệ giữa khối kiến thức của người khác đã học với kinh nghiệm của chính bản thân mình, cũng như với những gì mình đã được học trước đó để hình thành nên những nhận thức mới.

- Khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề.
- Khả năng diễn đạt kiến thức của mình cho người khác. Việc học tập đạt chất lượng khi người học có khả năng hình thành cũng như diễn đạt một cách rõ ràng và chặt chẽ những suy nghĩ và hành động độc lập của mình.
- Sự say mê học hỏi. Việc học tập đạt chất lượng khi người học có quan điểm học tập suốt đời.

Những điều kiện cần thiết giúp cho việc học tập đạt chất lượng:

- Chất lượng học tập chỉ đạt được khi người học sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập – cả về mặt nhận thức lẫn tình cảm.
- Chất lượng học tập chỉ đạt được khi người học có lý do để học.
- Chất lượng học tập chỉ đạt khi người học biết liên hệ với các kiến thức đã học.
- Chất lượng học tập chỉ đạt được khi người học chủ động trong suốt quá trình học tập.
- Chất lượng học tập chỉ đạt được khi người học được học trong một môi trường học tập với đầy đủ sự hỗ trợ.

Tất nhiên là sẽ không có một chiến lược dạy và học nào là hợp lý nhất cho tất cả các trường hợp. Nhưng dù vậy, mỗi chương trình cũng phải có ít nhất một chiến lược dạy và học cho mình.

Câu hỏi

- Các giảng viên của khoa có chia sẻ cùng một chiến lược dạy và học hay không? Chiến lược này có phù hợp không?
- Khoa có tăng cường sự đa dạng của môi trường học tập không, bao gồm cả việc trao đổi chương trình?
- Việc giảng dạy do các khoa/bộ môn khác đảm nhận có đạt yêu cầu?
- Các phương pháp giảng dạy/hướng dẫn hiện đang sử dụng (tổ chức việc tự học cho sinh viên, sĩ số lớp, tổ chức các seminars, các buổi thực hành) có mang đến sự hài lòng hay không?
- Công nghệ được sử dụng để hỗ trợ giảng dạy như thế nào?
- Các chiến lược dạy và học được đánh giá như thế nào? Các phương pháp được lựa chọn có phù hợp với kết quả học tập mong đợi của các học phần không? Các phương pháp sử dụng có đa dạng không?
- Có bất cứ khó khăn nào (về sĩ số lớp, tài liệu học tập, kỹ năng của giảng viên) gây cản trở nhà trường trong việc áp dụng các phương pháp giảng dạy mà nhà trường mong muốn áp dụng hay không?

Nếu hoạt động nghiên cứu khoa học là hoạt động cốt lõi của trường:

- Sinh viên thực sự bắt đầu nghiên cứu từ lúc nào trong chương trình học?
- Mối liên hệ qua lại giữa học tập và nghiên cứu được thể hiện ra sao trong chương trình?
- Kết quả nghiên cứu được đưa vào chương trình như thế nào?

Một khía cạnh cụ thể của chiến lược dạy và học là tạo điều kiện thực hành cho sinh viên. Hãy mô tả vai trò của thực tập/thực tế trong chương trình đào tạo:

- Thực tập-thực tế có phải là một phần bắt buộc của chương trình đào tạo hay không?
- Số tín chỉ dành cho việc thực tập-thực tế?
- Việc thực tập-thực tế của sinh viên có cần tuân theo các tiêu chí cụ thể được nêu rõ từ trước hay không?
- Việc chuẩn bị cho thực tập-thực tế trong chương trình (cả về nội dung, phương pháp lẫn kỹ năng) được thực hiện như thế nào?.
- Mức độ yêu cầu của việc thực tập-thực tế có chấp nhận được không?
- Việc thực tập-thực tế có bị “nghẽn cổ chai” không? Nếu có thì nguyên nhân là do đâu?
- Sinh viên được hướng dẫn thực tập như thế nào?
- Sinh viên được đánh giá ra sao?

Nguồn minh chứng:

- | | |
|--|----------------------------------|
| ▪ Chiến lược dạy và học | ▪ Ý kiến phản hồi của sinh viên |
| ▪ Minh chứng cho việc học tập bằng hành động chẳng hạn như đề án, đề tài, thực tập, bài tập nghiên cứu, tham gia thực tế tại cơ sở, v.v... | ▪ Hệ thống học trực tuyến |
| | ▪ Bản đề cương chi tiết học phần |
| | ▪ (module specification) |

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá sinh viên

Các tiêu chí (10)

1. Việc kiểm tra đánh giá bao gồm:

- Đánh giá việc nhập học của tân sinh viên bằng kết quả đầu vào.*
- Đánh giá sự tiến bộ trong học tập của sinh viên thông qua một ma trận điểm số/biểu đồ/hồ sơ học tập nêu rõ năng lực của sinh viên và thông qua chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên kết quả đầu ra.*
- Đánh giá bài thi cuối khóa/tốt nghiệp của sinh viên bằng Bảng Danh mục kiểm tra năng lực sinh viên tốt nghiệp (Graduate Competency Check-List) hoặc bằng một kỳ kiểm tra tích hợp và toàn diện.*

2. Theo nguyên tắc học tập ở tuổi trưởng thành, các học viên trưởng thành thích được đánh giá bằng các phương pháp dựa trên tiêu chí và thông qua sự kết hợp giữa tự đánh giá, bạn bè đánh giá, và giảng viên đánh giá.(3.1)
3. Giảng viên cần cung cấp nhiều hình thức đánh giá đa dạng thông qua các phương pháp tự đánh giá, bạn cùng học đánh giá và giảng viên đánh giá dựa trên nguyên tắc minh bạch, linh hoạt, có cân nhắc, và hướng đến kết quả. Các tiêu chí đánh giá cần được thương lượng rõ ràng với mọi thành viên tham gia học phần. Các chiến lược đánh giá phải phù hợp nhằm đánh giá được kết quả học tập mong đợi.
4. Việc thực hiện đánh giá tương ứng với mọi mục đích và mọi lãnh vực đã dạy trong chương trình. (3.3)
5. Giảng viên cần sử dụng nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá khác nhau để phục vụ các mục đích đánh giá khác nhau như chẩn đoán/khảo sát, đánh giá tiến trình học tập, và đánh giá kết thúc học phần hoặc khóa học.(3.4)
6. Phạm vi và trọng số của các kế hoạch kiểm tra đánh giá phải rõ ràng và được phổ biến đến mọi đối tượng quan tâm. (3.5).
7. Các tiêu chuẩn áp dụng trong các kế hoạch kiểm tra đánh giá phải minh bạch và nhất quán trong toàn bộ chương trình đào tạo.(3.6)
8. Thường xuyên áp dụng các quy trình để bảo đảm đến mức tối đa rằng các kế hoạch kiểm tra đánh giá đều có giá trị, đáng tin cậy, và được thực hiện một cách công bằng. (3.7)
9. Có những quy định hợp lý về thủ tục khiếu nại kết quả đánh giá để sinh viên sử dụng khi cần. (3.9)
10. Độ tin cậy và tính giá trị của các phương pháp kiểm tra đánh giá được ghi lại bằng văn bản và thẩm định thường xuyên; các phương pháp kiểm tra đánh giá mới thường xuyên được phát triển và thử nghiệm. (3.10)

Giải thích

Đánh giá sinh viên là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong giáo dục đại học. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến sự nghiệp của sinh viên sau này. Vì vậy, việc đánh giá cần được thực hiện một cách chuyên nghiệp trong đó cần tập trung nhiều vào đánh giá kiến thức thông qua quá trình kiểm tra và thi cử. Đánh giá cũng cung cấp cho nhà trường các thông tin có giá trị về hiệu quả giảng dạy và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ người học. Các nguyên tắc đánh giá sinh viên cần có các yêu cầu sau:

- Các thủ tục đánh giá phải đo được kết quả học tập mong đợi và các mục tiêu khác của chương trình;
- Đánh giá phải phù hợp với mục đích, cả ở khâu chẩn đoán/khảo sát, bắt đầu hay tổng kết; có các tiêu chí xếp hạng/cho điểm rõ ràng và được thông tin từ trước.

- Đánh giá cần được thực hiện bởi những người hiểu rõ vai trò đánh giá để có thể đánh giá được những kiến thức, kỹ năng và năng lực của sinh viên, và trong điều kiện cho phép, không nên chỉ dựa vào quyết định / đánh giá của chỉ một người;
- Tính đến tất cả các hậu quả có thể có do quy chế thi cử;
- Cần có những quy định cụ thể về việc nghỉ học của sinh viên, bệnh tật và các trường hợp khác;
- Đảm bảo việc đánh giá phải đáng tin cậy có dựa trên nguyên tắc của nhà trường;
- Đánh giá cần được kiểm tra về mặt hành chính nhằm đảm bảo sự chính xác của các nguyên tắc;
- Sinh viên được thông báo rõ ràng về cách thức đánh giá kiểm tra, họ sẽ trải qua các kỳ thi gì hay được đánh giá bằng các phương pháp nào, họ sẽ đạt được gì và các tiêu chí nào được áp dụng khi đánh giá họ.

Câu hỏi:

- Tân sinh viên có được đánh giá lúc nhập học hay không?
- Sinh viên có được đánh giá lúc ra trường hay không?
- Việc kiểm tra và thi cử phù hợp nội dung và mục tiêu của từng học phần cũng như toàn chương trình đến mức độ nào?
- Việc đánh giá có được thực hiện dựa trên tiêu chí hay không?
- Các phương pháp dùng để đánh giá có đa dạng không? Các phương pháp đó là gì?
- Tiêu chí cho đậu/ đánh trượt có rõ ràng hay không?
- Các quy định về kiểm tra thi cử có rõ ràng không?
- Các quy trình kiểm tra, thi cử có rõ ràng, được phổ biến cho mọi người, và được tuân thủ chặt chẽ hay không?
- Có cơ chế nào nhằm đảm bảo tính khách quan trong kiểm tra, thi cử hay không?
- Sinh viên có hài lòng với các quy trình này không? Sinh viên có than phiền gì không?
- Có các quy định rõ ràng về việc thi lại hay không? Sinh viên có hài lòng với những quy định này không?

Một phương pháp đánh giá học phần thường dùng là thông qua bài tiểu luận cuối học phần/khóa học. Cách đánh giá này cần phải được đặc biệt lưu ý. Trong bài tiểu luận cuối học phần/khóa học, sinh viên cần phải chứng tỏ kiến thức và kỹ năng của mình, đồng thời phải cho thấy khả năng sử dụng các kiến thức/kỹ năng đó trong tình huống mới.

- Có những quy định cụ thể nào cho việc đánh giá thông qua bài tiểu luận hoặc đề án cuối học phần hay không?

- Có những tiêu chí để đánh giá bài tiểu luận hoặc đề án cuối học phần/khóa học hay không?
- Tiểu luận hoặc đề án cuối học phần được chuẩn bị như thế nào (về mặt nội dung, phương pháp, kỹ năng)?
- Mức độ yêu cầu đối với bài tiểu luận hoặc đề án cuối học phần/khóa học có phù hợp không?
- Việc thực hiện bài tiểu luận hoặc đề án cuối học phần/khóa học có gặp phải tình trạng “nghẽn cổ chai” hay không? Nếu có, nguyên nhân là do đâu?
- Hãy mô tả việc hướng dẫn sinh viên.

Nguồn minh chứng:

- Ví dụ về đánh giá trong quá trình học, đề án, đề tài, bài thi cuối kỳ
- Hệ thống cho điểm, thang điểm
- Quy trình điều chỉnh điểm
- Quy trình khiếu nại điểm
- Đề cương học phần, chương trình chi tiết
- Quy định kiểm tra, thi cử

Tiêu chuẩn 6. Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy

Các tiêu chí (10)

1. Giảng viên ở bậc đại học phải có những khả năng sau:

- a. *Thiết kế được một chương trình giảng dạy và học tập chặt chẽ, đồng thời thực hiện được chương trình này;*
- b. *Áp dụng nhiều phương pháp dạy và học, và chọn lựa phương pháp thích hợp nhất để đạt được kết quả học tập mong đợi;*
- c. *Sử dụng và phát triển nhiều loại phương tiện truyền thông trong dạy học;*
- d. *Sử dụng nhiều kỹ thuật khác nhau để đánh giá việc học của sinh viên phù hợp với những kết quả học tập dự kiến;*
- e. *Tự giám sát và đánh giá việc giảng dạy cũng như chương trình giảng dạy của chính mình;*
- f. *Có suy nghĩ, cân nhắc kỹ về việc thực hành giảng dạy của chính mình;*
- g. *Xác định các nhu cầu và xây dựng các kế hoạch phát triển liên tục. (2.13)*

2. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu, xét theo các yêu cầu tổng hợp cả về bằng cấp, kinh nghiệm, khả năng, tuổi tác, v.v. (2.1)

3. Việc tuyển chọn và nâng bậc cho giảng viên dựa trên các tiêu chuẩn về năng lực như giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ. (2.3)
4. Vai trò và mối quan hệ của các thành viên trong đội ngũ cán bộ được xác định và được mọi người hiểu rõ. (2.4)
5. Việc phân công nhiệm vụ dựa trên cơ sở bằng cấp, kinh nghiệm và khả năng phù hợp của cán bộ. (2.5)
6. Việc quản lý thời gian và cơ chế khen thưởng nhằm đến mục tiêu thúc đẩy chất lượng giảng dạy và học tập. (2.6)
7. Mọi cán bộ đều có trách nhiệm giải trình với Chủ sở hữu của nhà trường (Chính phủ, Hội đồng Quản trị, Tổ chức sáng lập), thông qua Hiệu trưởng và các đối tượng có liên quan, có lưu ý đến quyền tự do về học thuật của các giảng viên. (2.9)
8. Có sự chuẩn bị dự phòng đối với những vấn đề như thâm định, tư vấn, và sắp xếp lại nhân sự. (2.10)
9. Những quyết định về nhân sự như cho thôi việc, nghỉ hưu, và các phúc lợi xã hội đều được lên kế hoạch sẵn và thực hiện tốt. (2.11)
10. Việc đánh giá cán bộ được thực hiện thường xuyên dựa trên một kế hoạch xây dựng từ trước và sử dụng những biện pháp công bằng và khách quan trên tinh thần hướng đến sự cải thiện. (2.12)

Giải thích

Giảng viên là tài nguyên học tập quan trọng nhất và có giá trị nhất đối với sinh viên. Điều quan trọng là các giảng viên cần có kiến thức và hiểu biết đầy đủ về bộ môn mình đang giảng dạy, có các kỹ năng cần thiết và kinh nghiệm giảng dạy để truyền đạt, trao đổi những kiến thức và hiểu biết đó cho sinh viên một cách hiệu quả trong môi trường dạy học, và có thể lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về việc giảng dạy của mình

Chất lượng của trường/khoa không chỉ dựa vào chương trình đào tạo, mà còn phải dựa vào chất lượng của giảng viên. Chất lượng của giảng viên bao gồm trình độ bằng cấp chuyên môn, thành thạo về môn học, kinh nghiệm, kỹ năng giảng dạy và đạo đức nghề nghiệp. Cán bộ giảng dạy bao gồm tất cả giáo sư, giảng viên, giảng viên thỉnh giảng cả bán thời gian và toàn thời gian. Bộ hướng dẫn đảm bảo chất lượng AUN (AUN-QA guidelines) đặt ra các tiêu chí để đảm bảo chất lượng cán bộ giảng dạy. Chúng ta phải xem lại rằng trường đã đáp ứng được các tiêu chí này tới mức độ nào. Vì thế, chúng ta phải nhìn lại lực lượng cán bộ (số lượng) và chất lượng bằng cấp chuyên môn của họ.

Số lượng cán bộ / giảng viên và bằng cấp

Sử dụng **Bảng 1** dưới đây, hãy nêu số lượng cán bộ, giảng viên của đơn vị. Nếu có những vị trí còn khuyết, hãy nêu trong một bảng riêng, và nêu rõ ngày mà các vị trí đó cần được bổ sung. Nêu rõ tỷ lệ giảng viên/sinh viên và tỷ lệ giảng viên/học viên cao học theo **Bảng 2**.

Bảng 1: Bảng thống kê cán bộ, giảng viên (Xin nêu rõ ngày cập số liệu).

Cán bộ giảng dạy	Nam	Nữ	Tổng số		Tỷ lệ có bằng tiến sĩ
			Số lượng	(FTEs)*	
Giáo sư					
Phó giáo sư					
Giảng viên toàn thời gian					
Giảng viên bán thời gian					
Giảng viên/giáo sư thỉnh giảng					
Tổng cộng					

(*) FTE là viết tắt của Full Time Equivalent: số lượng CB giảng viên quy đổi thành giảng viên toàn thời gian. Đây là một đơn vị tính mức đầu tư thời gian vào công việc. 1 FTE tương đương với 40 giờ làm việc một tuần (tương đương thời gian làm việc toàn thời gian). Một cán bộ giảng viên làm việc 8 giờ/tuần sẽ tương đương với 0.2 FTE.

Bảng 2: Tỷ lệ giảng viên/sinh viên và tỷ lệ giảng viên/sinh viên cao học (nêu rõ năm)

Tổng số FTE của giảng viên (*)	Tổng số sinh viên	Tổng số học viên cao học	Tổng số sinh viên tính trên một FTE của giảng viên	Tổng số sinh viên cao học tính trên một FTE của giảng viên

(*) Ước lượng thực tế số FTE của giảng viên

Số sinh viên: lấy số liệu đăng ký theo chương trình vào đầu năm học. Nếu số liệu của năm vừa qua không mang tính đại diện thì nên nêu rõ số đại diện phải là như thế nào. Tại sao?

Câu hỏi

- Cán bộ giảng viên có đủ phẩm chất và năng lực cho công việc của họ không?
- Khả năng và trình độ của đội ngũ giảng viên có đủ để thực hiện chương trình không?
- Khoa/đơn vị có cảm nhận khó khăn nào liên quan đến nhân lực không? Về độ tuổi của cán bộ giảng viên? Những vị trí còn khuyết nhưng khó tìm người? Tỷ lệ và số lượng cán bộ giảng viên có trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ ra sao? Những khó khăn trong việc thu hút cán bộ có trình độ là gì?
- Khoa/đơn vị có chính sách gì trong việc sử dụng đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu?
- Khoa/đơn vị có cố gắng mời các giáo sư tham gia giảng dạy ở trình độ cơ bản hay không?
- Khoa có chính sách gì để thu hút sự tham gia vào các seminars, hướng dẫn tiểu luận cuối học phần/khóa học, và thực tập-thực tế hay không?
- Số tiết dạy bình quân của giảng viên? Tỷ lệ giảng viên/sinh viên? Tỷ lệ giảng viên/sinh viên sau đại học?

Quản lý đội ngũ cán bộ

- Việc quản lý đội ngũ của Khoa có được nêu ra thành những quy định cụ thể và rõ ràng hay không?
- Việc tuyển dụng giảng viên có dựa trên cơ sở kinh nghiệm của họ trong việc giảng dạy và nghiên cứu không?
- Khoa/đơn vị có hệ thống đánh giá giảng viên hay không?
- Bằng cấp và các hoạt động giảng dạy của giảng viên đóng vai trò như thế nào trong nghề nghiệp của giảng viên?
- Khoa/đơn vị đánh giá ra sao về chính sách nhân sự của mình cho đến nay?
- Trong tương lai dự kiến sẽ có những phát triển gì?
- Giảng viên được chuẩn bị ra sao để thực hiện công việc giảng dạy của mình?
- Khoa/đơn vị có thực hiện hướng dẫn và đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên hay không?

Nguồn minh chứng

- | | |
|---|--|
| ▪ Tiêu chí tuyển dụng giảng viên | ▪ Phản hồi của sinh viên |
| ▪ Chất lượng/ bằng cấp giảng viên | ▪ Hệ thống công nhận và khen thưởng |
| ▪ Nhu cầu và kế hoạch đào tạo | ▪ Khối lượng công việc của cán bộ |
| ▪ Hệ thống đánh giá thông qua đồng nghiệp | ▪ Sự phân bổ vai trò và nghĩa vụ |
| ▪ Kế hoạch nghề nghiệp | ▪ Kế hoạch, chính sách thôi việc, nghỉ hưu |

Tiêu chuẩn 7. Chất lượng cán bộ hỗ trợ

Các tiêu chí (01)

Có đủ đội ngũ cán bộ phục vụ giảng dạy như nhân viên thư viện, nhân viên phòng thí nghiệm, nhân viên hành chính và công tác sinh viên.

Giải thích

Chất lượng chương trình phụ thuộc phần lớn vào mối quan hệ, tương tác giữa cán bộ, giảng viên và sinh viên. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ giảng dạy không thể làm việc tốt nếu thiếu đội ngũ cán bộ hỗ trợ có chất lượng. Những cán bộ này là những người làm việc ở thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính, phòng hành chính....

Câu hỏi:

- Đội ngũ nhân viên thư viện có đủ khả năng và làm việc hiệu quả không?
- Đội ngũ nhân viên phòng thí nghiệm có đủ khả năng và làm việc hiệu quả không?
- Đội ngũ nhân viên phòng máy tính có đủ khả năng và làm việc hiệu quả không?

- Đội ngũ nhân viên hành chính có đủ khả năng và làm việc hiệu quả không?
- Tỷ lệ giữa cán bộ giảng dạy và cán bộ hỗ trợ? Cán bộ hỗ trợ có đủ năng lực và số lượng để hỗ trợ cho các cán bộ khác và sinh viên không?

Nguồn minh chứng:

- Tiêu chí tuyển dụng giảng viên
- Chất lượng/ bằng cấp giảng viên
- Nhu cầu và kế hoạch đào tạo
- Hệ thống đánh giá thông qua đồng nghiệp
- Kế hoạch nghề nghiệp
- Phản hồi của sinh viên
- Hệ thống công nhận và khen thưởng
- Khối lượng công việc của cán bộ
- Sự phân bổ vai trò và nghĩa vụ
- Kế hoạch, chính sách thôi việc, nghỉ hưu

Tiêu chuẩn 8. Chất lượng sinh viên

Chính sách thu nhận sinh viên và các tiêu chí nhập học rõ ràng, được xem xét điều chỉnh định kỳ.

Giải thích

Chất lượng của đầu ra phụ thuộc nhiều vào chất lượng của đầu vào, nghĩa là chất lượng sinh viên lấy vào rất quan trọng.

Tuyển đầu vào:

- Hãy nêu tóm tắt số lượng sinh viên tuyển mới năm thứ nhất, sử dụng **Bảng 3**.
- Hãy nêu tóm tắt tổng số sinh viên đang theo học trong chương trình, sử dụng **Bảng 4**.

Bảng 3: Sinh viên tuyển mới năm thứ nhất

Năm học	Toàn thời gian			Bán thời gian		
	Nam	Nữ	Tổng cộng	Nam	Nữ	Tổng cộng

Bảng 4: Tổng số sinh viên (5 năm gần nhất)

Năm học	Toàn thời gian			Bán thời gian		
	Nam	Nữ	Tổng cộng	Nam	Nữ	Tổng cộng

Câu hỏi

- Số lượng sinh viên tuyển mới của Khoa/đơn vị đang phát triển ra sao? Có gì đáng lo ngại? Nguyên nhân? Những hướng phát triển trong tương lai?
- Việc tuyển chọn sinh viên vào học diễn ra như thế nào? Có những yêu cầu gì?
- Chính sách tuyển sinh của Khoa/đơn vị là gì? Khoa nhắm đến việc tăng số lượng sinh viên tuyển mới hay giữ nguyên ở mức hiện tại? Tại sao?
- Để nâng cao chất lượng và đảm bảo số lượng sinh viên tuyển mới, Khoa/đơn vị đang thực hiện những biện pháp gì?
- Những biện pháp này có hiệu quả ra sao?
- Chương trình đào tạo của Khoa/đơn vị đã tính đến chất lượng đầu vào của sinh viên như thế nào? Mối liên hệ giữa chương trình đào tạo và chương trình học ở bậc trung học phổ thông là gì?

Khối lượng học tập

- Khoa/đơn vị có sử dụng hệ thống tín chỉ hay không? Các tín chỉ được tính ra sao?
- Khối lượng học tập trên thực tế có trùng với khối lượng học tập theo yêu cầu của chương trình không?
- Khối lượng học tập có được phân bố đều trong các năm học hay không?
- Khoa thực hiện những biện pháp nào liên quan đến việc xây dựng chương trình và cố vấn học tập khi có những học phần trong chương trình đào tạo không trùng với khối lượng học tập theo yêu cầu của chương trình (vd: quá dễ hoặc quá khó)? Các biện pháp này có hiệu quả hay không?
- Một sinh viên học lực trung bình có thể hoàn tất chương trình trong khoảng thời gian dự kiến của chương trình đào tạo hay không?

Nguồn minh chứng:

- | | |
|--|--|
| ▪ Các tiêu chí và quy trình tuyển sinh | ▪ Báo cáo kết quả học tập của sinh viên |
| ▪ Xu hướng của sinh viên đầu vào | ▪ Sự tham gia vào các hoạt động học thuật và phi học thuật, hoạt động ngoại khóa, thi đua... |
| ▪ Hệ thống tín chỉ | |
| ▪ Khối lượng học tập | |

Tiêu chuẩn 9. Hỗ trợ và tư vấn sinh viên

Các tiêu chí (02)

1. *Quá trình học tập của sinh viên được giám sát và ghi nhận một cách có hệ thống; thông tin đánh giá được phản hồi trở lại cho sinh viên và những giải pháp cải thiện được đưa ra ngay khi cần thiết.(3.8)*

2. Nhằm cung cấp một môi trường học tập thuận lợi, đảm bảo chất lượng học tập của sinh viên, giảng viên cần cố gắng tối đa trong khả năng của mình để tạo ra không chỉ môi trường vật chất hỗ trợ phù hợp với các hoạt động học tập, mà còn chú trọng cả môi trường tâm lý và xã hội. (5.1)

Giải thích

Việc giám sát và hỗ trợ sinh viên như thế nào sẽ rất cần thiết cho nghề nghiệp sau này của sinh viên. Bộ Tiêu chuẩn chất lượng AUN xác định rằng nhà trường phải đảm bảo có các môi trường vật lý, vật chất, xã hội và tâm lý tốt.

Câu hỏi

- Khoa có hình thành hệ thống để:
 - Ghi nhận sự tiến bộ của sinh viên
 - Theo dõi sinh viên tốt nghiệp (VD: khảo sát...)
- Dữ liệu của hệ thống giám sát được sử dụng như thế nào?
- Các cán bộ và giảng viên đóng vai trò như thế nào trong việc cung cấp thông tin và hướng dẫn sinh viên?
- Các cán bộ và giảng viên đóng vai trò gì trong việc khuyến khích sinh viên tham gia vào các hoạt động của Khoa/đơn vị?
- Thông tin để cung cấp cho các sinh viên tương lai (sinh viên tiềm năng) được thiết lập ra sao? Khoa/đơn vị có chú trọng đến những yêu cầu liên quan đến quá trình đào tạo của người học trước đây hay không? Các chương trình đào tạo có gây ấn tượng cho các sinh viên tương lai không? Những thông tin này có được đánh giá hay không? Nếu có, kết quả dùng để làm gì?
- Sinh viên được cung cấp thông tin về các điều kiện và thiết bị học tập như thế nào? Việc cung cấp thông tin này có liên quan chặt chẽ đến chương trình đào tạo ra sao?
- Sự tiến bộ trong học tập của sinh viên có được ghi nhận hay không? Những kết quả được ghi nhận này có chỉ ra những vấn đề mà sinh viên cần chú trọng hay không? Những trường hợp “có vấn đề” được Khoa/đơn vị tiếp cận lần đầu tiên là vào lúc nào? Sự tiếp cận này có dẫn đến việc phụ đạo và/hoặc những hoạt động ngăn ngừa đối với từng sinh viên hoặc đối với việc xây dựng chương trình hay không?
- Việc hướng dẫn sinh viên năm thứ nhất có được đặc biệt chú trọng hay không? Nếu có, điều đó được thực hiện ra sao?
- Khoa/đơn vị có chú trọng đến sự tiến bộ trong học tập của sinh viên hay không?
- Khoa/đơn vị có những thiết bị/điều kiện hỗ trợ học tập đặc biệt để nâng cao kỹ năng học tập của những sinh viên gặp khó khăn trong việc học hay không? Những thiết bị này do Khoa/đơn vị quản lý, hay được quản lý ở cấp cao hơn (cấp trường chẳng hạn)? Thông tin về những thiết bị/điều kiện hỗ trợ học tập này được thiết lập ra sao?

- Khoa/đơn vị có quan tâm đến việc hướng dẫn riêng cho các sinh viên năm cuối (senior students) hay không?
- Khoa/đơn vị có hỗ trợ gì cho sinh viên trong việc hoàn tất đồ án tốt nghiệp? Một sinh viên gặp khó khăn trong quá trình thực tập-thực tế hoặc thực hiện đồ án tốt nghiệp sẽ được giúp đỡ ra sao?
- Sinh viên được cố vấn ra sao về những vấn đề như lựa chọn học phần, thay đổi học phần, tạm ngưng học hoặc thôi học?
- Sinh viên có được cung cấp thông tin về triển vọng nghề nghiệp hay không?
- Sinh viên có điều kiện làm quen với thị trường lao động thông qua thực tập-thực tế, các khóa học ứng dụng, hoặc những biện pháp tương tự hay không?
- Cấu trúc chương trình đào tạo góp phần vào thái độ học tập chủ động của sinh viên ở mức độ nào?
- Chương trình đào tạo thúc đẩy sự đầu tư của sinh viên vào việc học ở mức độ nào?
- Khoa/đơn vị có hài lòng với các công cụ sẵn có dùng để cải thiện sự tiến bộ trong học tập của sinh viên hay không? (...) Các công cụ đó được dùng như thế nào?

Nguồn minh chứng:

- Bộ máy/cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của sinh viên.
- Sự cung cấp các dịch vụ hỗ trợ sinh viên cấp trường và cấp khoa
- Kế hoạch rèn luyện, tư vấn cho sinh viên
- Ý kiến phản hồi của sinh viên

Tiêu chuẩn 10. Trang thiết bị và cơ sở hạ tầng

Các tiêu chí (07)

- 1. Nhà trường phải có đủ các tài nguyên vật chất phục vụ cho việc thực hiện các chương trình đào tạo, bao gồm thiết bị, tài liệu học tập và công nghệ thông tin.(6.1)*
- 2. Các thiết bị cần được cập nhật, sẵn sàng để sử dụng, và được sử dụng có hiệu quả.(6.2)*
- 3. Các tài nguyên học tập phải được chọn lọc và phù hợp với mục tiêu học tập.(6.4)*
- 4. Có thư viện điện tử để đáp ứng sự phát triển về công nghệ thông tin-truyền thông. (6.5)*
- 5. Có các hệ thống công nghệ thông tin và các hệ thống này cần được cập nhật.(6.7)*
- 6. Các trung tâm máy tính của nhà trường phải có sẵn các máy tính và hệ thống mạng cho phép cộng đồng nhà trường khai thác công nghệ thông tin để phục vụ cho giảng dạy, nghiên cứu và phát triển, dịch vụ và quản lý.(6.8)*

7. Các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh môi trường đáp ứng được mọi yêu cầu của địa phương về mọi mặt.(5.2)

Giải thích

Trang thiết bị và tài nguyên học tập cần phù hợp với các mục tiêu và mục đích của chương trình. Trang thiết bị cũng liên quan đến chiến lược giảng dạy và học tập. Ví dụ, nếu muốn dạy theo nhóm nhỏ thì chỉ cần sử dụng phòng học nhỏ. Hoặc khi muốn giảng dạy bằng máy tính thì cần phải có đủ máy tính cho sinh viên. Các tài nguyên học tập chính bao gồm sách, sổ tay thông tin, tạp chí, báo chí, tranh ảnh, internet và intranet, CD-ROMs, bản đồ, ảnh chụp từ không gian, và các tài nguyên học tập khác.

Câu hỏi

Phòng học

- Khoa/đơn vị có đủ giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm, phòng đọc sách, và phòng máy tính không? Những phòng này có đáp ứng những quy định hiện hành không?
- Thư viện có đủ thiết bị và tài liệu để phục vụ chương trình đào tạo hay không?
- Việc sử dụng thư viện có được tiện lợi không (điều kiện phục vụ, giờ mở cửa)?
- Khoa/đơn vị có đủ thiết bị phòng thí nghiệm hay không? Có đủ cán bộ phục vụ phòng thí nghiệm không?
- Phòng thí nghiệm có đáp ứng những quy định hiện hành không?

Các dụng cụ và thiết bị hỗ trợ dạy học

- Khoa/đơn vị có đủ các thiết bị nghe-nhìn phục vụ dạy học không ?
- Có đủ máy tính phục vụ học tập không? Có các chương trình và phần mềm phù hợp (các chương trình bồi dưỡng kỹ năng sử dụng máy tính, phần mềm tính toán, phần mềm thiết kế, v.v.) không?
- Điều kiện cơ sở vật chất và thiết bị hiện nay thúc đẩy hoặc cản trở việc thực hiện chương trình đào tạo như thế nào?
- Kinh phí cho cơ sở vật chất và thiết bị có đáp ứng được nhu cầu không?

Tiêu chuẩn 11. Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy và học tập

Các tiêu chí (03)

1. Chương trình đào tạo phải được thiết kế bởi một nhóm trong đó có đại diện của Bộ phận chất lượng, Hội đồng khoa học, đội ngũ làm chương trình, sinh viên và các đối tượng có liên quan trong các lĩnh vực công nghiệp, chính phủ, và các tổ chức nghề nghiệp.

2. Chương trình đào tạo được thẩm định và đánh giá tính hiệu quả định kỳ, được điều chỉnh sau khi đã được sử dụng trong một thời gian hợp lý. (1.8)

3. Điều kiện cơ bản giúp nhà trường cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập là phải thực hiện một quy trình đánh giá thường xuyên và có kế hoạch. Về phương diện này, các giảng viên nên tạo ra một môi trường khuyến khích sinh viên tham gia vào việc đánh giá hoạt động giảng dạy cũng như kết quả học tập.

Giải thích

Thiết kế (khung) chương trình đào tạo phải bắt đầu bằng việc xây dựng kết quả học tập mong đợi. Câu hỏi kế tiếp là “những học phần nào là cần thiết để đạt được kết quả học tập mong đợi đó?”; và câu hỏi sau cùng là “ai sẽ là người giảng dạy những học phần đó?” Điều quan trọng là phải xem việc phát triển (khung) chương trình đào tạo như là một nhiệm vụ chung.

Niềm tin của sinh viên và các đối tượng có liên quan khác trong giáo dục đại học sẽ được thiết lập và duy trì thông qua các hoạt động đảm bảo chất lượng hiệu quả. Muốn thế cần đảm bảo rằng chương trình được thiết kế tốt, có hệ thống giám sát và thẩm định thường xuyên qua đó liên tục đảm bảo sự thích hợp và phát triển.

Để đảm bảo chất lượng chương trình và bằng cấp nhà trường cần:

- Xây dựng và phổ biến những kết quả học tập dự kiến đạt được;
- Quan tâm sâu sắc đến việc thiết kế chương trình và nội dung chương trình;
- Có các yêu cầu cụ thể cho các phương thức giảng dạy khác nhau (vd: toàn thời gian, bán thời gian, học từ xa, e-learning) và quan tâm đến các loại hình giáo dục đại học khác nhau (học thuật, hướng nghiệp, chuyên nghiệp);
- Có sẵn các nguồn tài nguyên học tập thích hợp và có giá trị;
- Các nguyên tắc phê chuẩn trong chương trình chính thức cần được thực hiện bởi một cơ quan hơn là bởi những người tham gia giảng dạy chương trình đó;
- Giám sát sự tiến bộ và các thành tựu của sinh viên;
- Đánh giá chương trình định kỳ (bao gồm đánh giá ngoài).

Sinh viên là đối tượng đầu tiên đánh giá chất lượng giảng dạy và học tập. Họ đã trải qua các phương pháp lĩnh hội khác nhau. Họ có ý kiến về các trang thiết bị. Dĩ nhiên, ý kiến của sinh viên cần được đối chiếu cùng với ý kiến của các nhóm đối tượng khác. Tuy nhiên, nhà trường cần thực hiện lấy ý kiến sinh viên và sử dụng chúng để thực hiện các cải tiến.

Câu hỏi

Thiết kế chương trình đào tạo

- Ai chịu trách nhiệm thiết kế chương trình?
- Sự đóng góp của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong việc thiết kế chương trình ra sao?
- Thị trường lao động ảnh hưởng như thế nào đến việc thiết kế chương trình đào tạo?

- Việc đổi mới chương trình đào tạo được thực hiện như thế nào? Ai đưa ra những sáng kiến? Dựa trên những cơ sở nào?
- Ai chịu trách nhiệm thực hiện chương trình?
- Việc thiết kế chương trình có dựa trên việc so sánh với các cơ sở đào tạo khác hay không?
- Khoa/đơn vị tham gia những mạng lưới quốc tế nào?
- Có chương trình trao đổi nào với nước ngoài không?
- Chương trình đào tạo có được nước khác thừa nhận không?

Mô tả ngắn gọn về các hoạt động đảm bảo chất lượng của Khoa/đơn vị. Khoa/đơn vị có một hệ thống tổ chức để thực hiện đảm bảo chất lượng hay không? Nếu có, hãy mô tả hệ thống này và phân tích cách hoạt động của hệ thống đó.

- Khoa/đơn vị có các Ban và Hội đồng nào tham gia đảm bảo chất lượng bên trong?
- Khoa/đơn vị có Ban xây dựng chương trình đào tạo (curriculum committee) không? Vai trò của ban này là gì?
- Khoa có Ban phụ trách thi cử (examination committee) không? Vai trò của ban này là gì? Ban này hoạt động ra sao?
- Ban phụ trách thi cử thực hiện những công việc gì?
- Chức năng và trách nhiệm của các nhà quản lý và các ban chức năng có được mọi người hiểu rõ hay không? Việc phân chia trách nhiệm có gặp khó khăn gì không?

Đánh giá học phần và đánh giá chương trình đào tạo:

- Chương trình đào tạo được đánh giá ra sao? Ở mức độ học phần? Ở mức độ toàn bộ chương trình đào tạo?
- Việc đánh giá có được thực hiện một cách có hệ thống hay không?
- Sinh viên tham gia vào việc đánh giá quá trình đào tạo như thế nào?
- Kết quả đánh giá được công bố ra sao và công bố cho ai?
- Kết quả đánh giá được sử dụng ra sao? Tính minh bạch của kết quả được đảm bảo bằng cách nào?

Đánh giá bởi sinh viên/ Lấy ý kiến sinh viên

- Nhà trường có thực hiện lấy ý kiến sinh viên một cách có tổ chức không?
- Ai quản lý công tác đánh giá bởi sinh viên/lấy ý kiến sinh viên?
- Kết quả đánh giá được sử dụng để làm gì? Có kết quả nào được dùng để góp phần cải tiến chất lượng không?

- Sinh viên cung cấp cho hội đồng đánh giá điều gì liên quan đến quá trình đảm bảo chất lượng bên trong?

Tiêu chuẩn 12. Hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ

Các tiêu chí (02)

1. *Nhu cầu phát triển đội ngũ được ghi nhận một cách hệ thống, trong mối tương quan đến nguyện vọng cá nhân, chương trình đào tạo và yêu cầu của đơn vị. (2.7)*
2. *Đội ngũ giảng viên và nhân viên phục vụ được tham gia các chương trình phát triển đội ngũ theo các nhu cầu thiết thực. (2.8)*

Giải thích

Nhà trường cần đảm bảo rằng việc tuyển dụng giảng viên và các nguyên tắc tuyển dụng là phương tiện nhằm đảm bảo rằng tất cả các giảng viên mới tuyển ít nhất phải có những năng lực cần thiết tối thiểu. Nhà trường cần tạo điều kiện cho đội ngũ giảng dạy phát triển và mở rộng khả năng nghề nghiệp và khuyến khích họ nâng cao kỹ năng. Nhà trường cung cấp cho giảng viên cơ hội cải tiến kỹ năng để đạt một trình độ có thể chấp nhận được và có các biện pháp để chuyển giảng viên sang các nhiệm vụ khác nếu họ giảng dạy không hiệu quả.

Câu hỏi

- Ai là người chịu trách nhiệm về các hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ (cả giảng viên và cán bộ hỗ trợ)?
- Kế hoạch và quy trình phát triển và đào tạo là như thế nào? Nhu cầu đào tạo được nhận biết bằng cách nào?
- Kế hoạch phát triển và đào tạo có phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của trường và khoa hay không?
- Trường có hệ thống nào để phát triển các khả năng kỹ thuật và chiến lược cho cán bộ hỗ trợ?
- Số lượng giờ và địa điểm đào tạo cho cán bộ giảng dạy và cán bộ hỗ trợ trong 1 năm?
- Phần trăm ngân sách chi cho hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ?

Nguồn minh chứng:

- Kế hoạch và chính sách phát triển, rèn luyện, đào tạo cán bộ
- Nơi đào tạo, thời gian đào tạo
- Học bổng
- Kế hoạch phát triển nghề nghiệp và luân chuyển cán bộ

Tiêu chuẩn 13. Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan

Các tiêu chí (01)

Các trường đại học được khuyến khích xây dựng cơ chế thường xuyên tự đánh giá chương trình học và học phần, với sự tham gia của tất cả mọi đối tượng có liên quan (lãnh đạo nhà trường, nhà tuyển dụng, sinh viên, cựu sinh viên, v.v.).

Giải thích

Chúng ta cần xác định chất lượng “là sự đạt được các mục tiêu và mục đích”. Khi xây dựng các mục tiêu, chúng ta phải quan tâm đến yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan. Điều này nghĩa là chúng ta phải tự hỏi các đối tượng của chúng ta có hài lòng không. Để đạt được điều này, chúng ta cần xây dựng một hệ thống phản hồi hiệu quả.

Câu hỏi

▪ Nhà trường có một hệ thống giám sát hoạt động hiệu quả không? Chẳng hạn:

- Ghi nhận phản hồi từ thị trường lao động
- Ghi nhận phản hồi từ cán bộ
- Ghi nhận phản hồi từ sinh viên
- Ghi nhận phản hồi từ cựu sinh viên

Liên lạc với sinh viên tốt nghiệp:

- Khoa có giữ liên lạc với sinh viên tốt nghiệp sau khi ra trường không? Khoa có hội sinh viên tốt nghiệp/ hội cựu sinh viên không?
- Sinh viên tốt nghiệp nghĩ gì về chương trình đào tạo?
- Thông tin phản hồi của sinh viên tốt nghiệp (ý kiến về chương trình đào tạo, thông tin về sự phát triển của thị trường lao động...) có được sử dụng để điều chỉnh chương trình không?

Nguồn minh chứng:

- Hệ thống ghi nhận ý kiến và khảo sát (thường xuyên hoặc ngẫu nhiên)
- Tỷ lệ phản hồi khảo sát
- Việc sử dụng ý kiến phản hồi vào việc cải tiến.

Tiêu chuẩn 14. Đầu ra

Chất lượng của sinh viên tốt nghiệp là phải đạt được kết quả học tập mong đợi và đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Các hoạt động nghiên cứu được thực hiện bởi cán bộ giảng dạy và sinh viên phải đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Giải thích

Khi đánh giá chất lượng chúng ta không chỉ quan tâm đến chất lượng quá trình mà còn quan tâm đến chất lượng đầu ra. Trước hết, chúng ta cần xem xét các sinh viên tốt nghiệp. Họ có

đạt được các tiêu chuẩn mong muốn không? Những kết quả đạt được có tương đồng với kết quả dự kiến không? Sinh viên tốt nghiệp có đạt được những kiến thức, kỹ năng và thái độ mong muốn không?

Do chất lượng đầu ra phải được đánh giá dựa trên cơ cấu của quá trình, vì vậy chúng ta phải xét tính hiệu quả của quá trình đào tạo của chúng ta, trong đó cần xem xét đến tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học, thời gian học trung bình để nhận bằng tốt nghiệp (thời gian tốt nghiệp), và khả năng có việc làm của sinh viên tốt nghiệp.

Nghiên cứu cũng là một đầu ra quan trọng khác của quá trình đào tạo. Cấp độ của các hoạt động nghiên cứu được thực hiện bởi giảng viên và sinh viên, nguồn quỹ cho hoạt động nghiên cứu và các xuất bản phẩm phải đáp ứng yêu cầu của các đối tượng có liên quan.

Câu hỏi

Kết quả đạt được của chương trình đào tạo (sinh viên tốt nghiệp)

- Chất lượng của sinh viên tốt nghiệp nói chung có đáp ứng yêu cầu của Khoa/đơn vị không?
- Kết quả đạt được có trùng với kết quả dự kiến không?
- Sinh viên tốt nghiệp có dễ tìm được việc làm không? Những công việc đó có phù hợp với trình độ của sinh viên tốt nghiệp hay không?
- Trong những năm vừa qua, thị trường lao động có ý kiến gì về sinh viên tốt nghiệp của Khoa/đơn vị không? Những triển vọng tương lai là gì?

Tỷ lệ tốt nghiệp và bỏ học

Hãy cung cấp thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và bỏ học của sinh viên trong các khóa gần đây theo **Bảng 5**.

Bảng 5: Tỷ lệ tốt nghiệp và bỏ học của sinh viên (nêu từ 8 đến 10 khóa gần đây nhất)

Năm học	Tổng số SV trong khóa*	Tỷ lệ tốt nghiệp văn bằng thứ nhất sau thời gian			Tỷ lệ bỏ học sau thời gian			
		3 năm	4 năm	>4 năm	1 năm	2 năm	3 năm	>3 năm
			**			**		

* Tính theo số lượng sinh viên tuyển mới trong **Bảng 1**

** Tỷ lệ này là tỷ lệ tính gộp

Câu hỏi

- Khoa có hệ thống phù hợp để theo dõi:

- Theo dõi tiến trình học tập của sinh viên.
- Theo dõi tỷ lệ đậu và rớt/ bỏ học.
- Khoa/đơn vị có ý kiến gì về tỷ lệ tốt nghiệp hiện nay? Nếu tỷ lệ này chưa thực sự tốt, thì những biện pháp gì đang được thực hiện để nâng tỷ lệ tốt nghiệp?
- Trong 5 năm vừa qua tỷ lệ tốt nghiệp có biến động gì không?
- Tỷ lệ bỏ học là bao nhiêu? Có thể giải thích lý do sinh viên bỏ học với tỷ lệ như hiện nay không?
- Khoa/đơn vị có nắm bắt được thông tin sinh viên bỏ học thường đi đâu không?

Thời gian tốt nghiệp bình quân (sinh viên tốt nghiệp)

Hãy nêu thời gian bình quân mà một sinh viên cần để tốt nghiệp chương trình đào tạo của Khoa/đơn vị. Nếu cần, hãy phân loại sinh viên ra thành những nhóm đối tượng khác nhau.

- Khoa/đơn vị đánh giá ra sao về thời gian tốt nghiệp bình quân của sinh viên?
- Các biện pháp nào đang được thực hiện để khuyến khích sinh viên hoàn tất khóa học và rút ngắn thời gian tốt nghiệp?
- Những biện pháp này có hiệu quả đến đâu?

Sinh viên tốt nghiệp có việc làm

- Tỷ lệ phần trăm sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong vòng sáu tháng sau khi tốt nghiệp trong 5 năm gần đây? Có bao nhiêu sinh viên tốt nghiệp có thể tìm được việc làm trong vòng một năm?
- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp vẫn chưa có việc làm trong 2 năm sau khi tốt nghiệp?

Nghiên cứu

- Những loại hoạt động nghiên cứu nào được thực hiện bởi cán bộ giảng dạy và sinh viên? Những hoạt động này có phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của trường và khoa?
- Nguồn quỹ cho nghiên cứu ở cấp độ nào và được sử dụng như thế nào?
- Số lượng của các bài nghiên cứu? Các bài nghiên cứu được phát hành ở địa phương, quốc gia hay quốc tế?

Nguồn minh chứng

- Khảo sát sinh viên tốt nghiệp và tình trạng việc làm
- Số liệu tình trạng việc làm
- Mức lương
- Phản hồi của nhà sử dụng lao động

- Các báo cáo báo chí

Tiêu chuẩn 15. Sự hài lòng của các bên liên quan

Các bên liên quan hài lòng về chương trình đào tạo và chất lượng của sinh viên tốt nghiệp.

Giải thích

Sau khi phân tích đầu vào, quá trình đào tạo và đầu ra, chúng ta phải phân tích mức độ hài lòng của tất cả các đối tượng có liên quan. Những đối tượng này nghĩ gì về hoạt động của nhà trường? Làm thế nào chúng ta biết được điều đó? Cho nên, cần phải có một hệ thống để thu thập và đo lường mức độ hài lòng của các bên liên quan. Thông tin thu thập được cần phải được phân tích và sử dụng cho việc cải tiến chương trình đào tạo, cải tiến hệ thống thực hiện chất lượng và đảm bảo chất lượng.

Câu hỏi

Ý kiến sinh viên:

- Khoa/đơn vị có biết rõ sinh viên nghĩ gì về các học phần và chương trình học không? Về phương pháp giảng dạy? Thi cử?
- Những than phiền của sinh viên được xử lý ra sao?

Ý kiến cựu sinh viên:

- Những ý kiến và phản hồi của cựu sinh viên về những năng lực họ đạt được là gì?
- Những than phiền hoặc những phản hồi tích cực của sinh viên có được sử dụng để điều chỉnh chương trình hay không?

Ý kiến của thị trường lao động

- Thị trường lao động có đánh giá cao những sinh viên tốt nghiệp của trường hay không?
- Sinh viên tốt nghiệp có bị than phiền gì không?
- Sinh viên tốt nghiệp có những thế mạnh nào được các nhà tuyển dụng ghi nhận?

Nguồn minh chứng:

- Quy trình và công cụ đo lường sự hài lòng của các bên liên quan.
- Xu hướng hài lòng của các bên liên quan.
- Khảo sát sinh viên tốt nghiệp, cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động.

**BẢNG ĐỐI CHIẾU CÁC NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ CTĐT
VỚI CÁC TIÊU CHUẨN/TIÊU CHÍ AUN (checklist)**

CÁC NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	1	2	3	4	5	6	7
<i>Tiêu chuẩn 1. Kết quả học tập mong đợi</i>							
Chương trình có kết quả học tập mong đợi được trình bày rõ ràng [3]							
Chương trình đẩy mạnh việc học cách học và học tập suốt đời [1]							
Kết quả học tập mong đợi bao gồm cả kiến thức và kỹ năng đại cương lẫn kiến thức và kỹ năng chuyên ngành [2]							
Kết quả học tập mong đợi phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan. [3]							
Ý kiến chung							
<i>Tiêu chuẩn 2. Chương trình chi tiết</i>							
Trường đại học có sử dụng chương trình chi tiết [1]							
Chương trình chi tiết nêu rõ kết quả học tập mong đợi và cách thức đạt được kết quả học tập mong đợi. [1,2,3]							
Chương trình chi tiết cung cấp nhiều thông tin, được phổ biến và có sẵn cho các bên liên quan.							
Ý kiến chung							
<i>Tiêu chuẩn 3. Nội dung và cấu trúc chương trình</i>							
Nội dung chương trình có sự cân đối tốt giữa kiến thức, kỹ năng đại cương và chuyên ngành [1]							
Nội dung chương trình phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của trường							
Sự góp phần đạt được kết quả học tập mong đợi của từng học phần được thể hiện rõ [3]							
Cấu trúc chương trình đào tạo được thiết kế sao cho nội dung các học phần có sự kết hợp và củng cố lẫn nhau. [4]							
Chương trình thể hiện chiều rộng và chiều sâu [5]							
Chương trình thể hiện rõ học phần cơ bản, học phần cơ sở ngành, học phần chuyên ngành và tiểu luận hoặc luận văn tốt nghiệp [6]							
Nội dung chương trình được cập nhật [1]							
Ý kiến chung							
<i>Tiêu chuẩn 4. Chiến lược giảng dạy và học tập</i>							
Khoa có chiến lược giảng dạy và học tập rõ ràng [5]							
Chiến lược giảng dạy và học tập giúp sinh viên hiểu được và vận dụng được kiến thức [2,6]							
Chiến lược giảng dạy và học tập hướng về sinh viên và kích thích việc học có chất lượng [3,4]							
Chương trình giảng dạy kích thích sinh viên học tập chủ động và hỗ trợ cho việc học cách học [1]							
Ý kiến chung							
<i>Tiêu chuẩn 5. Đánh giá sinh viên</i>							

Đánh giá sinh viên bao gồm kiểm tra đầu vào, kiểm tra quá trình học tập của sinh viên và kiểm tra cuối khóa. [1]							
Đánh giá dựa trên các tiêu chí [2]							
Đánh giá sinh viên sử dụng nhiều phương pháp [3,5]							
Đánh giá phản ánh kết quả học tập mong đợi và nội dung chương trình [3]							
Các tiêu chí để đánh giá chính xác và được phổ biến rộng rãi [3,6]							
Việc sắp xếp đánh giá bao phủ mục tiêu chương trình giảng dạy [4]							
Tiêu chuẩn được áp dụng trong đánh giá phải rõ ràng và phù hợp [7,8,9,10]							
Ý kiến chung							
Tiêu chuẩn 6. Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy							
Giảng viên phải có khả năng đáp ứng nhiệm vụ của họ [1]							
Giảng viên có đủ số lượng và khả năng để thực hiện chương trình giảng dạy [2]							
Tuyển dụng và thăng tiến dựa trên công lao học thuật [3]							
Vai trò và mối quan hệ giữa các cán bộ được xác định rõ và được hiểu rõ [4]							
Các nhiệm vụ được xác định phù hợp với bằng cấp, kinh nghiệm và kỹ năng [5]							
Khối lượng công việc và cơ chế khen thưởng được thiết kế nhằm hỗ trợ cho chất lượng dạy và học. [6]							
Trách nhiệm của cán bộ được quy định hợp lý [7]							
Có dữ liệu cho việc thẩm định, tư vấn và bổ trí lại [8]							
Thôi việc, nghỉ hưu và phúc lợi xã hội được lập kế hoạch và thực hiện tốt [9]							
Có hệ thống đánh giá, khen thưởng hợp lý [10]							
Ý kiến chung							
Tiêu chuẩn 7. Chất lượng cán bộ hỗ trợ							
Cán bộ thư viện có đủ số lượng và năng lực							
Cán bộ phòng thí nghiệm có đủ số lượng và năng lực							
Cán bộ phòng máy tính có đủ số lượng và năng lực							
Cán bộ hỗ trợ (công tác) sinh viên có đủ số lượng và năng lực							
Ý kiến chung							
Tiêu chuẩn 8. Chất lượng sinh viên							
Chính sách cho sinh viên đầu vào rõ ràng							
Quy trình thu nhận sinh viên hợp lý							
Khối lượng học tập thật sự khớp với khối lượng được tính toán							
Ý kiến chung							
Tiêu chuẩn 9. Hỗ trợ và tư vấn sinh viên							
Hệ thống ghi nhận quá trình học tập của sinh viên thích hợp [1]							

Sinh viên nhận được sự tư vấn học tập, hỗ trợ và phản hồi đầy đủ về việc học của họ [1]							
Hoạt động cố vấn cho sinh viên là thỏa đáng [1]							
Môi trường tâm lý, vật chất và xã hội cho sinh viên là thỏa đáng [2]							
Ý kiến chung							
Tiêu chuẩn 10. Trang thiết bị và cơ sở hạ tầng							
Thiết bị giảng dạy (hội trường, phòng học) thích hợp [1]							
Tài nguyên thư viện đầy đủ và cập nhật [3,4]							
Thiết bị phòng thí nghiệm đầy đủ và cập nhật [1,2]							
Máy vi tính đầy đủ và được cập nhật, nâng cấp. [1,5,6]							
Tiêu chuẩn về an toàn và vệ sinh môi trường đạt yêu cầu của địa phương về tất cả các mặt [7]							
Ý kiến chung							
Tiêu chuẩn 11. Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy và học tập							
Chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên sự tổng hợp của tất cả các cán bộ có liên quan. [1]							
Sinh viên có tham gia vào việc thiết kế chương trình [1]							
Thị trường lao động có ảnh hưởng đến việc thiết kế chương trình [1]							
Chương trình giảng dạy được đánh giá thường xuyên [2]							
Các học phần và chương trình đào tạo nhận được sự đánh giá có hệ thống của sinh viên [3]							
Phản hồi của sinh viên được sử dụng cho việc cải tiến chương trình đào tạo [3]							
Đảm bảo chất lượng và liên tục cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập, phương pháp đánh giá và hoạt động đánh giá. [3]							
Ý kiến chung							
Tiêu chuẩn 12. Hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ							
Có kế hoạch rõ ràng về nhu cầu đào tạo và phát triển cán bộ, đối với cả cán bộ hỗ trợ và cán bộ giảng dạy [1]							
Hoạt động phát triển cán bộ tương xứng với nhu cầu [2]							
Ý kiến chung							
Tiêu chuẩn 13. Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan							
Thị trường lao động (nhà tuyển dụng) có phản hồi cho nhà trường.							
Cựu sinh viên có phản hồi cho nhà trường.							
Cán bộ có phản hồi cho nhà trường.							
Ý kiến chung							
Tiêu chuẩn 14. Đầu ra							
Tỉ lệ thi đậu là thỏa đáng và tỉ lệ rớt là chấp nhận được							
Thời gian tốt nghiệp trung bình là thỏa đáng							
Tình hình có việc làm của sinh viên tốt nghiệp là thỏa đáng							

Cấp độ của các hoạt động nghiên cứu của cán bộ giảng dạy và sinh viên là thỏa đáng							
Ý kiến chung							
Tiêu chuẩn 15. Sự hài lòng của các bên liên quan							
Phản hồi từ các bên liên quan là thỏa đáng							
Ý kiến chung							
Nhận định chung							

NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

Phần 1. Giới thiệu

- Mục lục
- Tóm tắt quá trình thực hiện, giới thiệu sơ lược báo cáo tự đánh giá, thông tin cơ bản của Chương trình đào tạo.
- Cơ cấu tổ chức hoạt động tự đánh giá (Sơ đồ)
- Giới thiệu ngắn gọn về trường, khoa. Bộ môn

Phần 2. Mô tả các tiêu chuẩn AUN

Mô tả trường, khoa, BM đạt được yêu cầu các tiêu chuẩn AUN như thế nào (tham khảo checklist khi viết)

Phần 3. Phân tích điểm mạnh và điểm yếu

- Tóm tắt điểm mạnh
- Tóm tắt điểm yếu
- Checklist
- Kế hoạch cải tiến

Phần 4. Phụ lục

- Danh sách các từ chuyên môn
- Minh chứng, văn bản